

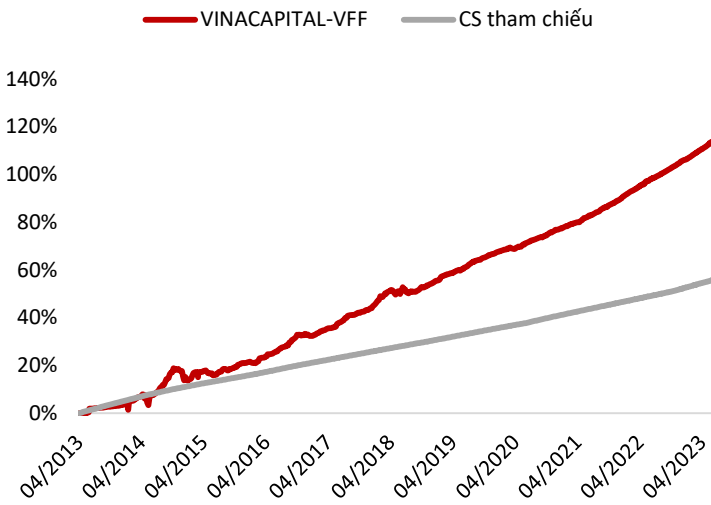
VINACAPITAL-VFF

Chiến lược đầu tư

Quỹ đặt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, giảm rủi ro cho nhà đầu tư bằng cách đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định. Quỹ chú trọng đem lại sự an toàn cho nhà đầu tư và kiểm soát chặt chẽ các rủi ro về tín dụng, lãi suất, lạm phát và thanh khoản.

Quỹ hướng tới xây dựng danh mục đầu tư đa dạng, cân đối rủi ro lãi suất và hiệu quả thông qua các quyết định phân bổ ngành và lựa chọn tài sản đầu tư hợp lý, và nâng cao lợi nhuận thông qua các giao dịch đầu tư chênh lệch giá. Quỹ ưu tiên đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá khác.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

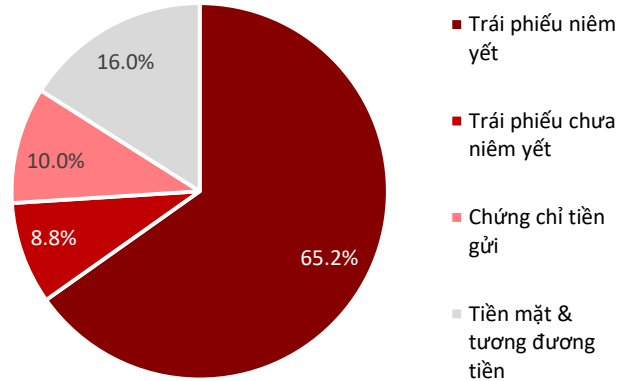
	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	598.7	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	21,445.8	
Lợi nhuận tháng 06/2023 (%)	0.3	0.5
Lợi nhuận từ đầu năm 2023 (%)	3.9	3.5
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	7.6	5.7
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	7.7	4.5
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	114.5	56.3

* CSTC: Chỉ số tham chiếu
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



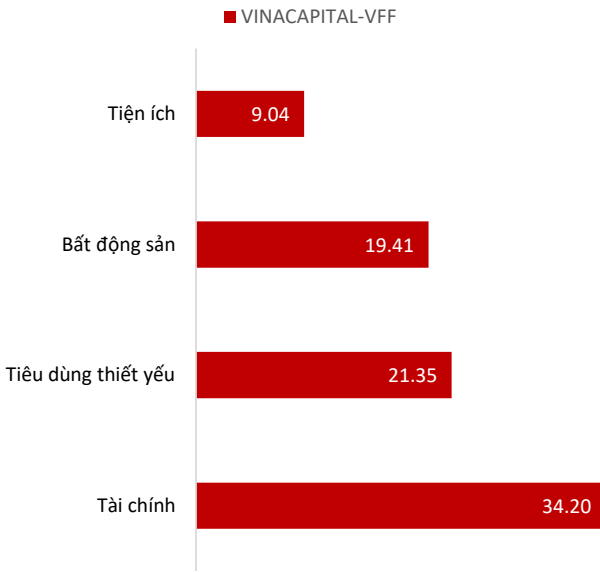
Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 0.5% >= 12 tháng 0.0% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	1.81
Lợi suất khi đáo hạn (%)	9.85

Phân bổ theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
MML	16.9	11.1	2.5
LPB	15.7	9.3	0.5
TN1	10.6	9.4	1.5
GEG	9.0	15.1	1.1
KDH	6.1	12.0	1.8

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt 3,7% so với cùng kỳ, giảm mạnh so với mức tăng trưởng 6,1% so với cùng kỳ được ghi nhận trong nửa đầu năm 2022. Nhu cầu yếu đối với các sản phẩm “Sản xuất tại Việt Nam” tiếp tục đè nặng lên nền kinh tế trong Quý 2 giống như trong Quý 1, mặc dù lượng khách du lịch nước ngoài tăng cao tiếp tục bù đắp phần nào sự sụt giảm đó.

Hoạt động sản xuất của Việt Nam đã giảm tăng trưởng từ 9,7% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2022 xuống 0,4% trong 6 tháng đầu năm 2023, khiếm tăng trưởng GDP trong nửa đầu năm 2023 bị hụt đi 2%. Nhu cầu yếu đối với các sản phẩm “Sản xuất tại Việt Nam” vào năm 2023 là điều có thể đoán trước được, do lượng hàng tồn kho của các nhà bán lẻ Hoa Kỳ tăng cao vào năm ngoái, nhưng hàng tồn kho ở Hoa Kỳ đang cho thấy dấu hiệu giảm nhanh hơn trong những tháng tới của năm 2023; Chỉ số hàng tồn kho ISM đã giảm xuống mức thấp mới trong 9 năm, ở mức 44 trong tháng 6 và S&P Global lưu ý rằng “hàng tồn kho giảm mạnh” vào tháng 6, theo khảo sát PMI của họ.

Điều đó nói rằng, có vẻ như chu kỳ tồn kho hàng điện tử tiêu dùng gần chạm đáy, bằng chứng là xuất khẩu máy tính xách tay và các thiết bị điện tử khác của Việt Nam tăng 5% so với tháng trước trong tháng Sáu, sau khi tăng 12% trong tháng Năm. Chỉ số PMI của Việt Nam vẫn thể hiện sự sụt giảm, chỉ đạt 46,2 trong tháng 6, tuy nhiên đã bớt bị quan so với tháng 5 ở mức 45,3. Diễn biến tương tự cũng diễn ra ở Trung Quốc, nơi chỉ số PMI tăng từ 48,8 vào tháng 5 lên 49 vào tháng 6.

Chính phủ đã rất tích cực hỗ trợ nền kinh tế với một loạt các chính sách hỗ trợ. Về phía chính sách tài khóa, Chính phủ tăng cường chi tiêu đầu tư công, với vốn đầu tư thực hiện tăng 17% so với tháng trước trong tháng 6. Thuế suất VAT cũng giảm từ 10% xuống 8% và nới lỏng các hạn chế về thị thực du lịch sẽ được bắt đầu từ giữa tháng 8. Về chính sách tiền tệ, NHNN đã cắt giảm lãi suất tái cấp vốn thêm 50 điểm cơ bản xuống 4,5% (hay -150 điểm cơ bản so với đầu năm) và cắt giảm trần tiền gửi ngắn hạn thêm 25 điểm cơ bản xuống 4,75% (hay -125 điểm cơ bản so với đầu năm). Do đó, lãi suất tiền gửi cho 6 tháng và 12 tháng đã giảm 30-100 điểm cơ bản so với tháng trước vào cuối tháng 6, với tổng mức giảm từ đầu năm đến nay là 150-300 điểm cơ bản.

NHNN có thể cắt giảm lãi suất điều hành do tỷ giá USD-VND vẫn khá ổn định trong năm nay, bất chấp việc đồng tiền của Trung Quốc mất giá 5% so với đầu năm, và do lạm phát ở Việt Nam đã giảm từ mức gần 5% so với cùng kỳ vào đầu năm xuống chỉ còn 2% vào tháng 6. Và bởi vì thị trường dư thừa mại của Việt Nam đã tăng từ khoảng 0%/GDP trong 6 tháng đầu năm 2022 lên 6% GDP trong 6 tháng đầu năm 2023, tương đương 12 tỷ USD trong nửa đầu năm, theo Tổng cục Thống kê; dòng vốn FDI ổn định với vốn FDI giải ngân tăng 1% so với cùng kỳ lên 10 tỷ USD trong nửa đầu năm 2023, tương đương 5% GDP.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, đã có dấu hiệu cải thiện trong tháng 6/2023, với tổng lượng phát hành đạt 26,4 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 8 lần so với tháng trước. Tuy nhiên, con số này vẫn thấp hơn 42,4% so với cùng năm ngoái. Tổng cộng có 27 đợt phát hành trong nước trong tháng 6, chủ yếu đến từ lĩnh vực ngân hàng (67,4% tổng lượng phát hành) và bất động sản (16,8% tổng lượng phát hành). Lợi suất trái phiếu ngành ngân hàng dao động từ 6,7% đến 9,5% với kỳ hạn từ 2 đến 10 năm; trong khi lợi suất trái phiếu từ lĩnh vực bất động sản từ 10,5% đến 14,0% với các kỳ hạn từ 2 đến 7 năm. Trong đó, chỉ có một trái phiếu chào bán ra công chúng trị giá 1,9 nghìn tỷ đồng do Vietbank phát hành.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2021	0.6%	0.5%	0.4%	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	0.9%	0.5%	0.6%	0.7%	0.9%	7.7%
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.5%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%	0.8%	0.4%	8.0%
2023	0.7%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.3%							3.9%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga găm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.